

Phụ lục 2: Hướng dẫn tạm thời mô hình và nội dung chuyển đổi số cấp xã
(Ban hành kèm theo Công văn số /STTTT-CNTT ngày /4/2022)

A. MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

1. Chính quyền số:

-100% cán bộ, công chức xã được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ.

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử; 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).

- Bảo đảm 100% hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận xử lý được cập nhật, quản lý và giải quyết trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Mỗi xã có tối thiểu có một kênh giao tiếp với người dân thông qua tin nhắn SMS, các nhóm zalo, trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin, tình hình kinh tế xã hội, chỉ đạo của chính quyền, phản ánh, kiến nghị của người dân.

- Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

- Triển khai phòng họp trực tuyến thế hệ mới, hướng tới triển khai phòng họp không giấy tờ (khi có đủ điều kiện và cần thiết) phục vụ các cuộc họp của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Triển khai các nền tảng công nghệ, ứng dụng phòng, chống dịch theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông; tuyên truyền cho người dân gọi đến Tổng đài 1022 để được tư vấn, cung cấp thông tin hỗ trợ phòng, chống dịch và các thông tin khác.

- *Số hóa*: Số hóa tài liệu, quy trình nghiệp vụ phục vụ cho công tác chuyển đổi số tại UBND cấp xã. Triển khai ứng dụng CNTT nhằm hỗ trợ các hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý và nghiệp vụ của cấp xã như: quản lý tài sản, tài chính - kế toán, nhân lực, nhân sự, báo cáo, tổng hợp...

- *Nền tảng tương tác chính quyền và người dân*: Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua công nghệ số.

- Thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu về chính quyền số theo từng giai đoạn cụ thể.

- Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ và người dân.

2. Kinh tế số:

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.

- 100% các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ có lợi thế của xã, sản phẩm OCOP được quảng bá qua mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...); hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp kết nối, đưa hàng hóa, dịch vụ lên các sàn thương mại điện tử.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân sử dụng các kênh thanh toán không dùng tiền mặt để giao dịch trực tuyến.

- 100% nhà ở, cá nhân hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn cấp xã được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số Vpostcode.

- *Chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh:* Hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh và người dân có ứng dụng các nền tảng công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh.

4. Xã hội số:

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về chuyển đổi số; tối thiểu 50% người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã được tập huấn, phổ biến về các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số trên môi trường mạng; ứng dụng công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực; quảng bá, bán sản phẩm trên mạng.

- Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 50% trở lên.

- Đảm bảo người dân được bảo vệ an toàn trên môi trường mạng đặc biệt chặn lọc các nội dung xấu, độc hại.

- Phổ cập điện thoại thông minh cho người dân trên địa bàn xã.

3. Hạ tầng và nền tảng số:

- *Phát triển hạ tầng và nền tảng số:* Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, thông tin di động mạng 4G/5G được phủ đến 100% các hộ gia đình.

- *Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã được kết nối vào đường truyền số liệu chuyên dùng; đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống; 100% CBCC có máy tính phục vụ công việc.*

- Mỗi xã có 01 hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt đến cấp tỉnh, cấp huyện và cấp thôn.

- Thiết lập các điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trong xã tùy thuộc điều kiện (như tại UBND xã, nhà văn hoá, các điểm du lịch,...).

- *Hệ thống Camera an ninh:* Lắp đặt camera an ninh trên các trục đường chính, những điểm quan trọng phục vụ giám sát an ninh, trật tự, giám sát giao

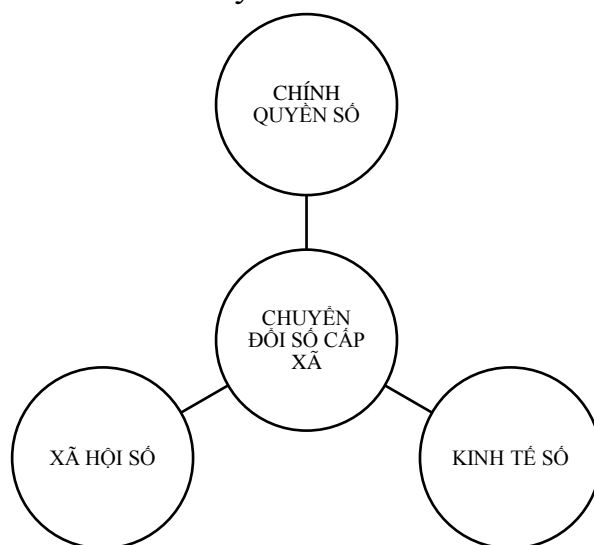
thông,... đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; Quản lý camera tập trung tại trụ sở UBND xã hoặc Công an xã.

- Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo, truyền thanh thông minh.

- Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số.

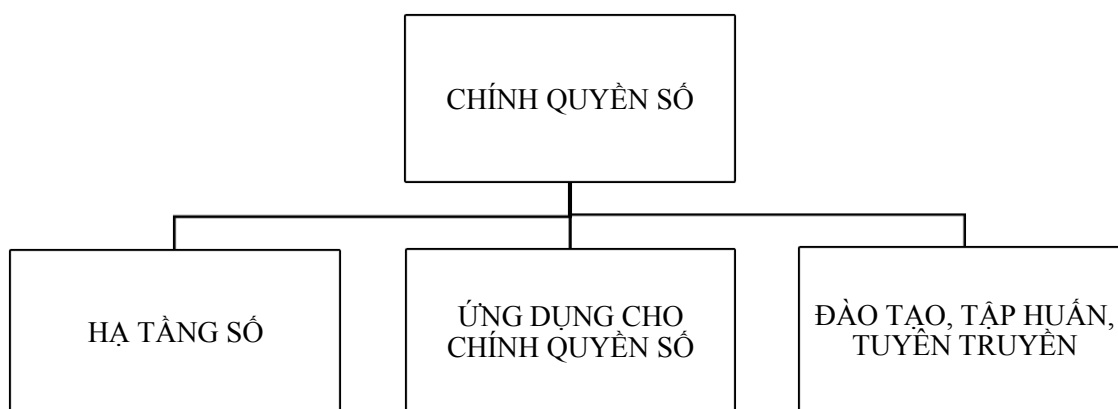
B. MÔ HÌNH VÀ NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

Chuyển đổi số cấp xã bao gồm 03 trụ cột gồm Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số, theo như mô hình dưới đây:



Hình 1: Mô hình Chuyển đổi số cấp xã

I. Phát triển Chính quyền số



Hình 2: Nội dung triển khai Chính quyền số

1. Xây dựng hạ tầng số:

Tuỳ thuộc vào điều kiện thực tế, kinh phí cân đối của địa phương để có kế hoạch lựa chọn, triển khai các hạng mục phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương.



Hình 3: Các nội dung triển khai hạng mục xây dựng hạ tầng số

1.1. **Nâng cấp mạng nội bộ (LAN) và kết nối internet:**

- Thường xuyên khảo sát, đánh giá chi tiết hiện trạng để có phương án bổ sung, nâng cấp cho phù hợp đáp ứng yêu cầu.

- Kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng để đảm bảo chất lượng, an toàn thông tin...

1.2. **Số hoá tài liệu hồ sơ công việc:**

- UBND cấp xã cần xây dựng danh mục tài liệu cần thiết (hồ sơ, chứng từ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần lưu tại xã,...) từ đó lựa chọn loại tài liệu nào cần lưu trữ, số hoá.

- Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực theo quy định.

1.3. **Bổ sung hệ thống thiết bị CNTT, tăng cường công tác an toàn thông tin mạng:**

- Thường xuyên khảo sát, đánh giá hiện trạng toàn bộ thiết bị CNTT, máy tính để nâng cấp, bổ sung đảm bảo cấu hình, số lượng của thiết bị phục vụ triển khai các ứng dụng cho cán bộ, công chức cấp xã.

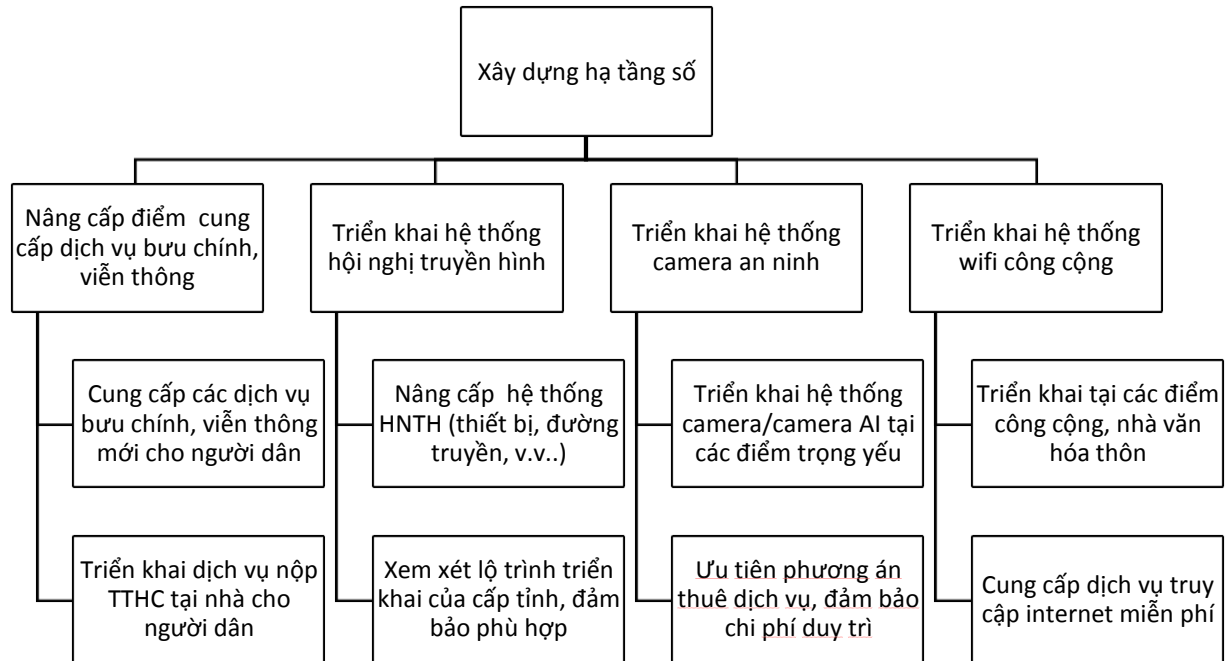
- Đảm bảo 100% các máy tính của cán bộ tại UBND cấp xã sử dụng phần mềm bản quyền, được cài đặt tối thiểu 01 phần mềm diệt virus.

1.4. **Mạng Truyền số liệu chuyên dùng:**

Kết nối toàn bộ các hệ thống thông tin của xã với mạng Truyền số liệu chuyên dùng để đảm bảo an toàn thông tin, toàn vẹn dữ liệu trong quá trình hoạt động ứng dụng, chỉ đạo điều hành của xã.

1.5. **Đài truyền thanh:**

Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng nền tảng công nghệ trí tuệ nhân tạo để chuyển đổi văn bản sang giọng nói nhằm đơn giản hóa, chuẩn hóa việc thu, phát các chương trình truyền thanh; ứng dụng công nghệ số phục vụ việc tắt, mở chương trình tự động nhằm tiết kiệm thời gian, nhân lực vận hành kỹ thuật.



Hình4:Các nội dung triển khai xây dựng hạ tầng số (tiếp)

1.6. Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông:

Phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông nâng cấp các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông các xã thành điểm tư vấn, hướng dẫn cho người dân về chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ số; cung cấp các dịch vụ số.

1.7. Hệ thống Hội nghị hội nghị truyền hình:

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện triển khai hệ thống thống hội nghị truyền hình theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai hệ thống hội nghị truyền hình đến thôn, bản, khu phố.

1.8. Hệ thống camera an ninh:

Triển khai hệ thống camera giám sát, theo dõi và phát hiện tại các điểm quan trọng trên địa bàn; hệ thống phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, cho phép khả năng tích hợp, truy cập từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để phục vụ theo dõi giám sát khi có yêu cầu.

1.9. Hệ thống wifi công cộng:

Triển khai các hệ thống wifi công cộng phục vụ nhu cầu của người dân tại các điểm công cộng như tại nhà văn hoá thôn, bản, nhà văn hoá xã, tại trụ sở UBND cấp xã, điểm du lịch,... tùy thuộc vào các yêu cầu cụ thể của địa phương.

2. Triển khai các ứng dụng phục vụ xây dựng Chính quyền số:

Hình 5: Triển khai ứng dụng phục vụ xây dựng Chính quyền số (Sơ đồ hình 5 tại phụ lục kèm theo)

2.1. Triển khai đầy đủ các hệ thống thông tin dùng chung từ Trung ương tới địa phương:

CBCC cấp xã sử dụng đầy đủ, hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống tin dùng chung của các Bộ, ngành Trung ương triển khai: Cổng dịch vụ công quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các phần mềm của Bộ Tư pháp, Y tế, Giáo dục, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội,...

2.2. Sử dụng hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (TD-Office):

100% lãnh đạo, CBCC trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử; 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định); 100% văn bản phát hành được ký số.

Thực hiện điều hành, xử lý công việc trên môi trường mạng theo đúng quy trình, quy định.

2.3. Sử dụng hệ thống Cổng dịch vụ công và một cửa điện tử:

Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 để tạo thành thói quen và người dân thấy được lợi ích của sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Bảo đảm 100% hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận xử lý được cập nhật, quản lý và giải quyết trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo đúng quy định.

Thực hiện các TTHC tại hệ thống một cửa điện tử theo đúng quy trình nội bộ đã được phê duyệt từ khâu tiếp nhận hồ sơ, đến xử lý, trả kết quả.

2.4. Sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh:

Rà soát, đề nghị Văn phòng UBND tỉnh cấp đầy đủ tài khoản người dùng cho CBCC, viên chức trong đơn vị, đảm bảo 100% CBCC, viên chức của cấp xã được cấp phát tài khoản.

100% CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc hàng ngày.

2.5. Phòng họp không giấy tờ, phòng họp trực tuyến:

Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông nghiên cứu triển khai phòng họp trực tuyến đến cấp thôn, bản, tổ dân phố phục vụ các hội nghị cần triển khai đến cấp thôn, tăng thêm đối tượng, số người được tham dự.

Nghiên cứu triển khai phòng họp không giấy (khi có đủ điều kiện về kinh phí) phục vụ các cuộc họp của UBND cấp xã.

2.6. Sử dụng chữ ký số chuyên dùng:

Thực hiện rà soát toàn bộ các chức danh, vị trí công tác, cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị để cấp mới, cấp bổ sung chữ ký số chuyên dùng của

Ban cơ yếu Chính phủ, đảm bảo đầy đủ chữ ký số của tổ chức, cá nhân phục vụ việc ký số hồ sơ, văn bản điện tử trên môi trường mạng.

100% lãnh đạo, CBCC có thẩm quyền ký phát hành văn bản phải thực hiện ký số theo quy định.

2.7. Nâng cấp trang thông tin điện tử (website):

Khảo sát hiện trạng, nâng cấp bổ sung tính năng, giao diện đáp ứng các yêu cầu quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Lưu ý, cung cấp đầy đủ thông tin của các chuyên mục; bổ sung chuyên mục “Chuyên đổi số”.

Thường xuyên cập nhật thông tin, các sự kiện trên trang thông tin điện tử của xã; tập trung thông tin quảng bá các hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ của địa phương trên trang thông tin điện tử.

2.8. Hệ thống giám sát, điều hành thông minh cấp xã:

Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông nghiên cứu triển khai thử nghiệm Hệ thống giám sát, điều hành thông minh của xã, trong đó tập trung vào các chức năng sau:

- Thực hiện tạo lập, thu thập dữ liệu, số liệu các ngành, các chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội quan trọng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp xã.

- Thu thập, xử lý các thông tin phản ánh hiện trường phục vụ ra quyết định nhanh chóng của chính quyền cấp xã.

- Thiết lập kênh phản ánh, kiến nghị để người dân thuận tiện tương tác với chính quyền; hệ thống có khả năng kết nối với các hệ thống của huyện, của tỉnh.

2.9. Thiết lập kênh giao tiếp giữa chính quyền cấp xã và người dân:

Hướng dẫn người dân phản ánh, kiến nghị với chính quyền thông qua hệ thống phản hồi Thanh Hóa; Tổng đài 1022 và các ứng dụng khác.

Đa dạng hóa các kênh thông tin giao tiếp giữa chính quyền và nhân dân trên địa bàn. Tăng cường sử dụng các kênh thông tin truyền thống như đài truyền thanh cơ sở; xây dựng hệ thống giao tiếp thông qua mạng xã hội Zalo, hệ thống tin nhắn SMS, ứng dụng công dân số, Cổng thông tin điện tử...

Triển khai các kênh giao tiếp để cho phép người dân có thể dễ dàng phản ánh, góp ý, kiến nghị về các vấn đề trong đời sống xã hội với lãnh đạo xã một cách nhanh nhất và trực tiếp nhất.

2.10. Triển khai các nền tảng công nghệ phòng chống dịch:

Triển khai các nền tảng công nghệ phòng, chống dịch theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông: Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19; triển khai cài đặt ứng dụng PC-Covid; Sổ sức khỏe điện tử,...

Tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai các giải pháp ứng dụng CNTT trong phòng chống dịch bệnh Covid-19 của tỉnh: Ứng dụng Smart Thanh Hóa; truyền truyền người dân khai thác Tổng đài 1022 để được hỗ trợ, cung cấp thông tin

phòng chống dịch;...

2.11. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân:

- Tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ:

Phối hợp với các phòng, đơn vị của UBND cấp huyện, Sở Thông tin và Truyền thông mở lớp tập huấn để nâng cao trình độ CNTT; kiến thức an toàn thông tin; kỹ năng sử dụng công nghệ số; hướng dẫn sử dụng các phần mềm, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, phần mềm nội bộ của xã; hướng dẫn sử dụng chữ ký số và quy trình gửi, nhận văn bản điện tử... cho CBCC cấp xã, Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân:

Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông tổ chức tập huấn, tuyên truyền đến nhân dân về chuyển đổi số, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ trong chuyển đổi số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt,...

Thường xuyên đưa các thông tin về chuyển đổi số phát qua đài truyền thanh cấp xã, để người dân nâng cao kiến thức về chuyển đổi số (*khai thác, sử dụng tài liệu trên chuyên trang “chuyển đổi số” của Sở Thông tin và Truyền thông có địa chỉ chuyendoiso.thanhhoa.gov.vn và trang thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành khác*).

Huy động lực lượng Đoàn Thanh niên phối hợp với lực lượng của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân tích cực sử dụng các dịch vụ số.

II. Phát triển Kinh tế số:

Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, trong đó tập trung thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, đưa hàng hóa, sản phẩm lên trên các sàn thương mại điện tử, thanh toán điện tử không tiền mặt, quảng bá sản phẩm trên môi trường mạng, kinh doanh, bán hàng trên môi trường mạng.



Hình 6: Các nội dung triển khai kinh tế số

1. Phát triển thương mại điện tử:

Quảng bá, tiếp thị và bán các sản phẩm của người dân trên môi trường mạng, qua các sàn thương mại điện tử, phần mềm kết nối cung cầu nông sản thực phẩm an toàn của tỉnh:

- Phối hợp với Bưu điện tỉnh (*sàn thương mại postmart.vn*), Bưu chính Viettel (*sàn thương mại voso.vn*), Viễn thông Thanh Hóa (*nông sản thực phẩm an toàn Thanh Hóa*) đưa các sản phẩm nông sản, tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm OCOP của các xã lên sàn thương mại điện tử.

- Lựa chọn các kênh trực tuyến để quảng bá, cung cấp, phân phối sản phẩm, dịch vụ cho phù hợp: Phần mềm kết nối cung cầu nông sản thực phẩm an toàn tỉnh Thanh Hóa, Zalo, Tiki, Sendo, Voso, Postmart, Facebook, Amazon,...; chủ động liên hệ với các sàn thương mại điện tử để cung cấp sản phẩm, dịch vụ; đảm bảo các tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, thiết kế bao bì sản phẩm, khả năng truy xuất nguồn gốc khi cung cấp trên sàn thương mại điện tử.

- Hướng dẫn, tập huấn cho người dân tạo tài khoản, viết bài, chụp hình, xây dựng các video quảng bá về sản phẩm, dịch vụ để đăng trên các sàn thương mại điện tử, trên các mạng xã hội.

- Thí điểm triển khai các công nghệ về truy xuất nguồn gốc, gắn với các sản phẩm, cây trồng, vật nuôi của người dân và các sản phẩm OCOP.

- Triển khai các chương trình đào tạo kiến thức, kỹ năng cho người dân giới thiệu, quảng bá sản phẩm trên môi trường mạng.

2. Triển khai thanh toán điện tử:

- Tập trung tuyên truyền làm thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt của người dân. Bước đầu đưa những dịch vụ thanh toán đơn giản, có thể triển khai ngay như nộp học phí qua tài khoản của trường, thanh toán hoá đơn điện, hoá đơn nước, điện thoại để người dùng dần dần thay đổi thói quen trong thanh toán.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, cập nhật kiến thức, làm rõ những lợi ích, tiện ích của người dân khi sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử thông qua hệ thống đài truyền thanh, các lớp tập huấn, thông qua các hội nghị cấp thôn, hội nghị của các tổ chức, đoàn thể,...

- Hướng dẫn, hỗ trợ cho người dân mở các tài khoản ngân hàng, ví điện tử, một cách thuận tiện, thuận lợi, miễn phí.

- Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn, hỗ trợ người dân thanh toán trực tuyến về học phí, tiền điện, tiền nước, cước dịch vụ VT-CNTT, phí, lệ phí dịch

vụ công trực tuyến, viện phí; thanh toán trực tuyến khi mua bán trực tuyến; thanh toán không dùng tiền mặt tại các siêu thị, cửa hàng,...

3. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số:

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn xây dựng các trang thông tin điện tử, đưa các hình ảnh, thông tin để quảng bá các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên môi trường số; quảng bá, giới thiệu các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử như voso.vn, postmart.vn...

- Tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng các phần mềm, giải pháp quản lý tài chính, nhân sự, quản lý tài sản, hàng hóa...

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký, sử dụng tem truy suất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch điện tử.

- Tổ công nghệ số cộng đồng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi sang sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn nghiên cứu, đăng ký sử dụng các nền tảng số Quốc gia (được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố) để chuyển đổi số cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Hướng dẫn doanh nghiệp trên địa bàn đăng ký tài khoản và tự xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo chương trình số 54/CTr-UBND, ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh.

4. Tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng:

- Tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn để người dân, doanh nghiệp quảng bá, xây dựng thương hiệu và hình ảnh cho các sản phẩm nông sản, dịch vụ du lịch của địa phương trên môi trường mạng.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thúc đẩy người dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số của địa phương.

- Huy động lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên trong làm nòng cốt để thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân đồng hành cùng chính quyền chuyển đổi số, tích cực sử dụng các dịch vụ số.

5. Chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực:

- UBND cấp xã chủ động phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan của UBND cấp huyện, Sở, ban, ngành để triển khai hiệu quả các cơ sở dữ liệu, các nền tảng, giải pháp chuyển đổi số của các Bộ, ngành Trung ương và của các Sở, ban, ngành của tỉnh triển khai đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, lựa chọn các mô hình, giải pháp phù hợp để triển khai chuyển đổi số trong nông nghiệp, du lịch, tài nguyên và môi trường, y tế, giáo dục, tài chính, kế hoạch,...

- Thường xuyên tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm các mô hình chuyển đổi số hiệu quả trong các lĩnh vực, triển khai nhân rộng trên địa bàn.

- Về du lịch: Triển khai các giải pháp chuyển đổi số do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, triển khai; thông qua ứng dụng công nghệ số để quảng bá, thu hút du khách trong và ngoài nước đến với các địa điểm du lịch của địa phương (nếu có); quảng bá hình ảnh, sản phẩm văn hóa, du lịch của địa phương trên môi trường mạng (các trang thông tin điện tử, mạng xã hội ...); xây dựng các thuyết minh, video clip, hình ảnh để giới thiệu, quảng bá các sản phẩm văn hóa, du lịch trên môi trường số.

- Về nông nghiệp: Triển khai các giải pháp chuyển đổi số trong nông nghiệp do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn; thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất; quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chỉ dẫn địa lý, kịp thời dự báo, cảnh báo thị trường; xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp số; đưa các sản phẩm nông nghiệp của huyện lên các trang thương mại điện tử, đồng bộ các giải pháp từ tiếp thị, truyền thông, đóng gói, vận chuyển, thanh toán; thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng; đẩy mạnh các hoạt động kết nối sản xuất với tiêu thụ nông sản, phát triển ngành nghề, dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn; vận động người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản.

- Lĩnh vực an ninh, trật tự: Triển khai hệ thống Camera giám sát tại các vị trí quan trọng; thiết lập các kênh thông tin, mạng xã hội để người dân phản ánh, kiến nghị các trường hợp khẩn cấp, vi phạm an ninh, trật tự tại địa phương...

III. Phát triển Xã hội số:



Hình 7: Các nội dung triển khai xã hội số

1. Truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số:

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về chuyển đổi số: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; quảng bá, bán sản phẩm, hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử; đăng ký, sử dụng tài khoản điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt (tiền điện, nước, dịch vụ VT-CNTT, học phí, dịch vụ y tế khám chữa bệnh,...); đăng bài, hình ảnh sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa trên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội; ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp;...

- Tối thiểu 50% người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn cấp xã được tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số.

- Hình thức tuyên truyền: Thông qua các cuộc họp của thôn, bản, khu phố; thông qua các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể; tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh cấp xã, trang thông tin điện tử của xã...

- Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai tập huấn.

- Phối hợp với Bưu điện huyện, Bưu chính Viettel hỗ trợ quản bá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử postmart.vn và voso.vn.

2. Triển khai các dịch vụ số:

a) Về Giáo dục:

Căn cứ hiện trạng về hạ tầng, tình hình ứng dụng CNTT tại các trường học trên địa bàn từng xã, tiến hành triển khai các dịch vụ cơ bản như sau:

- Sử dụng hiệu quả các ứng dụng do Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai.

- Các trường được kết nối đường truyền Internet băng thông rộng.

- Triển khai các nền tảng số phục vụ quản lý, dạy và học trực tuyến; 100% học sinh được tiếp cận dịch vụ Internet và các Kho học liệu trực tuyến.

- Triển khai các ứng dụng: Sổ liên lạc điện tử, tin nhắn SMS, trang thông tin điện tử...

- Triển khai hệ thống điểm danh thông minh; kết nối phụ huynh với nhà trường thông qua nền tảng số.

- Triển khai thu tiền học phí không dùng tiền mặt.
- Triển khai, sử dụng hiệu quả các phần mềm, nền tảng số do Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai; triển khai các phần mềm, giải pháp phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo...

Căn cứ nhu cầu thực tế, lựa chọn phương án triển khai để tránh lãng phí.

b) Về Y tế:

- Sử dụng hiệu quả các ứng dụng do Sở Y tế triển khai.
- Nghiên cứu đầu tư trang thiết bị cần thiết để kết nối trạm y tế cấp xã với hệ thống khám chữa bệnh từ xa của các bệnh viện Trung ương, hoặc các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện để người dân được hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt hơn, tiết kiệm chi phí (ví dụ kết nối với hệ thống Tele Health do Viettel triển khai trên toàn quốc).

- Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt trong y tế.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân tiếp cận, cài đặt, sử dụng các nền tảng dịch vụ tư vấn, hỗ trợ chăm sóc tư vấn sức khỏe, khám chữa bệnh từ xa (dịch vụ của Công ty Medici, VOV24, các ứng dụng tư vấn sức khỏe trên Zalo, tư vấn qua mạng của các bệnh viện, tư vấn của các nhóm bác sỹ...); đăng ký khám bệnh trực tuyến.

c) Hướng dẫn người dân, doanh nghiệp đăng ký tài khoản để thanh toán trực tuyến các dịch vụ thiết yếu, như: tiền sử dụng điện, nước, dịch vụ VT-CNTT, thanh toán học phí, thanh toán viện phí,...

3. Triển khai các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin:

- Tạo điều kiện cho Bưu điện tỉnh triển khai số hóa địa chỉ nhà dân, các cơ quan, đơn vị hình thành cơ sở dữ liệu về bản đồ số của xã phục vụ phát triển thương mại điện tử, chuyển phát bưu chính và logistics.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Viễn thông đầu tư, nâng cấp hạ tầng viễn thông (trạm BTS, các tuyến truyền dẫn băng rộng) đảm bảo phủ sóng thông tin di động 3G, 4G, 5G và internet băng rộng đến các thôn, bản, khu phố.

Hình 5: Triển khai ứng dụng phục vụ xây dựng Chính quyền số

